

Phụ-trương bằng chữ Pháp.—Supplément en français

La mission civilisatrice de la France

Cái thiên-chức khai-hóa của nước Pháp

(Conférence donnée à l'École des Hautes Études sociales par M. ALBERT SARRAUT)

(Bài diễn-thuyết của ông ALBERT SARRAUT ở trường Cao-dẳng Xã-hội-học).

Mesdames, Messieurs,

Je voudrais marquer avec force combien j'apprécie le très grand honneur que me fait aujourd'hui l'École des Hautes Études Sociales, en m'appelant à inaugurer le cycle de ses conférences sur la Colonisation, et quelle valeur encore ajoutent à ce témoignage la présence de mon éminent ami M. Loucheur, et l'encouragement que je recueille des éloquents paroles que lui a dictées une trop indulgente sympathie.

Mais j'imagine que ma gratitude ne saurait donner sa vraie mesure dans la recherche des termes chaleureux par où j'essaierais de la traduire. Le seul moyen, je crois, et le meilleur, de reconnaître la faveur qui m'est faite est d'apporter ici dans un langage simple et précis, des idées et des pensées dignes à la fois de l'auditoire qui m'écoute, et de la tradition d'enseignement véridique et substantiel qui fait la juste renommée de cette École.

Aux nourritures précieuses de l'esprit que distribuent chaque année l'ampleur et la diversité de ses programmes, l'École des Hautes Études sociales a délibéré désormais d'ajouter l'aliment nouveau des questions coloniales. Des conférenciers que l'éclat de leur parole et leurs titres ont naturellement désignés pour cette entreprise, viendront retracer, dans le détail, les résultats obtenus par la volonté française dans les diverses parties de notre domaine d'outre-mer.

J'ai personnellement pour mission d'indiquer ici, à grands traits, dans une manière de préface ou de prologue, les principes essentiels et les hautes disciplines morales dont l'inspiration sert de guide à l'œuvre civilisatrice de la France dans ses colonies.

Thưa các quý-phu-nhân, Thưa các Ngài.

Trường Cao-dẳng Xã-hội-học hôm nay mời tôi đến khai-khoa diễn thuyết về Thuộc-địa, thật là làm cho tôi được danh-dự vô-cùng, lại thêm có ông bạn cao-quí của tôi là ông LOUCHEUR đến chứng-kiến, quá yêu mà nói cho mấy lời giới-thiệu hùng-hồn, làm cho tôi thêm phấn-lệ biết dường nào, tôi cũng muốn tìm cách cảm-tạ cho xứng-đáng.

Nhưng tôi nghĩ rằng dù cố tìm lấy những lời đậm-dà để tỏ lòng cảm ơn ấy, cũng không sao tỏ cho hết được. Duy có một cách hay hơn cả, là dùng lời bình-dị rõ-ràng mà diễn những tư-tưởng thiết-thực đích-dáng cho xứng với hội thỉnh-giả đây và xứng với cái thịnh-danh giáo-dục của nhà trường này.

Trường Cao - dẳng Xã - hội - học, chương-trình gồm rộng, mỗi năm ban-bố biết bao nhiêu là những món ăn quý-báu cho tinh-thần, gần đây lại định thêm một món nữa về các vấn-đề thuộc-địa. Những nhà diễn-thuyết có tài ăn-nói hùng-hồn, có lắm tư-cách xứng-đáng, sẽ đến đây giảng-diễn-trường-tất về cái công-nghiệp của Đại-Pháp ở các nơi thuộc-địa ngoại-dương.

Về phần riêng tôi thì phải làm như một bài tựa hay là một bài giáo-dầu để khái-luận về những cái nguyên-lý cốt-yếu cùng những cái chủ-nghĩa cao-thượng làm phương-châm cho sự-nghiệp khai-hóa của nước Pháp ở thuộc-địa.

Ne dussé-je trouver dans cette tâche que l'occasion d'honorer une fois de plus le génie bienfaiteur de mon pays que je remercieraï déjà l'Ecole des Hautes Etudes Sociales d'avoir institué ce cours. Mais qu'elle me permette de la louer encore d'une initiative qui, comme je le disais à M. René Mouliu, me paraît être toutes opportune et féconde, car jamais à mon sens l'étude du fait colonial n'a été plus utile et plus nécessaire qu'en ce moment par les moyens qu'elle fournit de réaliser à la fois l'avenir et la force de notre pays et de s'élever à la compréhension plus complète du monde lui-même.

L'incorporation sociale

Nous voici, dans l'heure présente, devant un événement très digne de remarque : c'est le rapprochement extrêmement rapide, devant nos yeux métropolitains, de ce que j'appellerai l'objectif colonial. L'image coloniale, cette sorte de vision lointaine, plus ou moins confuse dans l'espace de la vie des pays d'outre-mer et si imprécise qu'elle donnait lieu chez nous à cette définition simpliste rappelée naguère à la tribune du Parlement par un spirituel sénateur : « Les Colonies, c'est quelque chose de très loin, là-bas, où il y a du soleil... », cette image soudain s'est rapprochée très vite, atteignant l'horizon de la Métropole au point de juxtaposer, sinon de mêler ses contours à l'image de notre vie nationale, dans un phénomène saisissant d'incorporation, qui est comme la belle revanche, pour les colonies, de l'indifférence que trop longtemps leur témoigna le sentiment public. Car, vous le savez, il n'est pas exagéré de dire que si la France possède un merveilleux domaine d'outre-mer, elle l'a acquis pour ainsi dire sans s'en douter, ou mieux encore, elle l'a eu malgré elle. Des hostilités retentissantes avaient inspiré à notre pays une telle aversion de l'expansion colontale qu'il a fallu le mettre en quelque sorte en face du fait accompli. La constitution progressive de son domaine extérieur a été le fait, et reste l'honneur d'initiatives individuelles émancées de quelques hommes d'Etat, de quelques chefs militaires, qui ont agi autant dire isolément, dissimulant presque leurs desseins, jusqu'au jour où ils ont pu dire à

Vi-dù nhân đó chỉ được thêm cho tôi một dịp để ngợi-khen công-đức của nước ta, cũng là đáng cho tôi được cảm ơn trường Cao-đẳng Xã-hội học đã đặt ra lớp học này. Nhưng mà tôi lại muốn khen trường Cao-đẳng đã sáng lập ra một khoa-học rất ích-lợi, rất hợp-thời, như tôi đã nói với ông RENÉ MOULIU độ trước, vì cứ ý riêng tôi thời sự-nghiên-cứu về thuộc-địa không bao giờ bỏ-ích và khẩn-thiết bằng bây giờ, khiến cho nước ta vừa đạt được cái mục-dịch phú-cường về sau này, lại vừa am-hiếu được rõ cái tinh-thế trong thiên-hạ.

Sự sáp-nhập xã hội

Hiện nay ta được mục-kích một cái hiện-tượng cũng đáng nên chú-y : hiện-tượng ấy là cái hình-ảnh thuộc-địa mỗi ngày một thu gần vào trước con mắt của Mâu-quốc một cách rất mau chóng. Hình-ảnh ấy trước còn mập-mờ xa-xôi ở trong khoảng ngoại-dương phiêu-diêu, đến nổi trong nước ít người được biết rõ và kiến-giải về thuộc-địa một cách rất thô-lược, như cái câu sau này mới rồi có ông thượng-nghị-viên khôi-hài thuật lại ở giữa Nghị-viện : « Thuộc-địa là cái gì ở tận xa tít kia, chỗ có mặt trời nắng nực... », hình-ảnh ấy ngày nay đã thu gần lại mau lắm, áp đến tận nơi nhỡn-giới của Mâu-quốc, khiến cho hòa lẫn cả vào cái hình-ảnh sinh-hoạt của nước nhà, thành ra một cái hiện-tượng sáp-nhập hiển-nhiên, cũng đủ đền bồi danh-giá cho thuộc-địa bấy lâu bị quốc-dân lãnh-đạm không thiết đến. Vì các ngài cũng biết đó, nước Pháp ngày nay có một cõi thuộc-địa tốt-đẹp như thế, mà nói rằng chiếm được cũng không ngờ, hay là miễn-cưỡng mà được, cũng không phải là nói quá vậy. Nước ta đã từng có nhiều người tai mắt phản-đối sự đi lấy thuộc-địa, nên hường lai ghét việc thuộc-địa quá, phải cho thấy sự dĩ-nhiên rồi mới chịu nhận. Thuộc-địa ngày nay dần dần gây dựng lên được to-tát như thế, là

la France, en lui montrant le grand œuvre accompli : « Voilà ».

Il a fallu la grande commotion de la dernière guerre pour donner au public français le choc de la révélation qui lui a montré comment la vie coloniale s'incorporait, pour l'affermir et l'enrichir, à notre vie nationale.

Dans le combat formidable et prolongé qui met aux prises pendant près de cinq ans les défenseurs du droit humain et ceux pour qui les traités ne sont que des chiffons de papier, le monde entier est en quelque sorte réquisitionné par les belligérants pour les fournitures susceptibles d'alimenter le combat et la résistance. Et dans l'apport que les pays les plus éloignés font de leurs denrées et de leurs marchandises, les colonies françaises, tout d'un coup, sont appelées à jouer un rôle considérable, non seulement en ravitaillant la mère-patrie de toutes leurs ressources, mais en lui envoyant encore, pour la tranchée et l'usine de guerre, près d'un million de combattants ou de travailleurs indigènes.

Et voici, en outre, que la guerre terminée, ce fait nouveau de la contribution coloniale à la défense nationale cristallise en un phénomène permanent d'incorporation, en une création de solidarité. Car, à la levée des volontaires du temps de guerre, succède, aux jours de la paix, l'organisation normale des troupes indigènes; le recrutement, d'exceptionnel qu'il était, devient régulier, et il a servi de base à la réforme récente de l'instrument de sécurité, en permettant la réduction de la durée du service militaire.

D'autre part, et dans le même moment, la Métropole française accablée par le poids de ses dettes de guerre, qui la sou-

do cái công của tư-nhân cả, mấy nhà chính-trị, mấy tay võ-tướng, hầu như tự-lực mình mà làm, gần như phải giấu-giếm cái mưu của mình, mãi đến ngày thành-công rồi mới báo-cáo cho nước Pháp biết rằng : « Ấy chúng tôi đã làm xong rồi đó. »

Phải có sự kích thích về cuộc chiến-tranh vừa rồi mới khiến cho dân-chúng nước Pháp thốt-nhiên tỉnh-ngộ mà biết rằng sự sinh-hoạt của thuộc-địa đã sáp-nhập vào sự sinh-hoạt của quốc-gia làm cho quốc-gia được củng-cố và thêm phú-cường lên vậy.

Trong cuộc đại-chiến diên-man tới ngót năm năm trời, một bên thời phe bênh-vực cho công - lý, một bên thời kẻ công-nhiên coi điều-ước như mảnh giấy lộn, các chiến-quốc hình như tổng cho cả thế-giới phải cung-cấp tài-liệu cho mình để đánh được mạnh, giữ được vững. Trong các xứ phương xa đem đồ hàng và vật-liệu cung - cấp cho các nước đánh nhau như thế, thời thuộc-địa Pháp đột-nhiên chiếm một cái địa-vị to, là không những cấp vật-liệu cho mẫu-quốc mà thôi, mà lại cấp cho ngót một triệu công-binh chiến-bính để làm trong xưởng hay đánh dưới hầm.

Nay chiến-tranh đã xong rồi, sự cung-cấp của thuộc-địa cho mẫu-quốc lại kết-tinh thành một cái hiện-trạng sáp-nhập luôn - luôn, đoàn-kết mãi mãi. Vì rằng khi chiến-tranh thời mộ lính tình-nguyện để tòng-quân, nay hòa-bình thời lại nghĩ cách lấy quân thuộc-địa mà tổ-chức thành quân-đội chính-thức; sự mộ lính thuộc-địa trước là một sự đặc-biệt, nay thành một sự thông-thường, mới rồi Nhà-nước cải-cách binh-chế đã bắg ở quân thuộc-địa để giảm hạn binh-dịch cho quốc-dân.

Cùng đồng-thời với sự cải-cách đó và về một phương-diện khác, mẫu-quốc

mettent à l'oppression des changes extérieurs, sans que la carence allemande vienne alléger son fardeau, est amenée à envisager, pour rétablir dans l'avenir son équilibre économique et financier, l'utilisation permanente, sur une plus large échelle, des moyens d'approvisionnement que ses colonies lui ont fournis accidentellement pendant la guerre. La France ne peut améliorer sa situation financière si elle se condamne à rester sous la dépendance de l'étranger pour l'acquisition des matières premières et des marchandises qui sont l'aliment de sa vie industrielle et commerciale. L'emploi des ressources coloniales, la mise en valeur méthodique de ces ressources, l'exploitation rationnelle des sols et des sous-sols coloniaux apparaissent désormais comme une nécessité vitale, et ici encore, l'image coloniale vient se fondre en quelque sorte dans l'image d'une France totale, où Métropole et colonies réaliseront leur puissante solidarité.

Et c'est cet ensemble de constatations, par où se traduit ce que j'appelle l'incorporation coloniale, qui a donné lieu dans notre pays au raccourci saisissant de cette formule : « La France est un pays de cent millions d'habitants ». L'opinion française, désormais, a pressenti la vitalité coloniale et la valeur des garanties qu'elle représentait pour l'avenir national; et l'idée s'est précisée d'une entité nouvelle où la Mère-Patrie et les Frances d'outre-mer, sinon confondues du moins étroitement solidarisées, composeraient la puissance réelle d'une « plus grande France », appuyant sa sécurité non plus sur quarante millions, mais sur cent millions d'êtres humains, et pouvant demander les nourritures de sa vie à l'ensemble d'un domaine vingt fois grand comme la patrie maternelle et capable de l'enrichir de toutes les forces neuves que les colonies peuvent verser dans sa circulation artérielle.

Đại-Pháp đương bị nặng nề về các khoản nợ chiến-tranh, phải để mình ở dưới quyền hối-đoái của ngoại-quốc, không mong nước Đức bỏ cái thái-độ tiêu-cực đi mà làm cho nhẹ được cái gánh đó, muốn cho sau này mọi đường tài-chính kinh-tế được điều-hòa, thời phải nghĩ cách lợi-dụng cho rộng hơn và một cách trường-cửu những tài-sản của các thuộc-địa cung-cấp cho một cách đặc-biệt trong khi chiến-tranh. Nước Pháp muốn cho có các nguyên-liệu cùng các hóa-hạng cần dùng cho sự công-nghệ thương-nghiệp trong nước mà còn phải thuộc ở ngoại-quốc, thời cái tình-hình tài-chính không thể phát-dạt lên được. Sự lợi-dụng các tài-sản thuộc-địa, sự kinh-lý các tài-sản ấy cho hợp phép, sự khai-khẩn các thổ-sản và khoáng-sản ở thuộc-địa, từ nay trở đi là một điều yếu-cần trong sự sinh-hoạt quốc-gia, và đây cũng vậy, cái hình-ảnh của thuộc-địa hầu như đã hòa lẫn vào hình-ảnh của toàn-thể Đại-Pháp, khiến cho mẫu-quốc với thuộc-địa như kết-tập thành một cái đoàn-thể rất bền mạnh vậy.

Ấy bấy nhiêu điều kinh-nghiệm, phát-biểu ra cái hiện-tượng « sáp-nhập thuộc-địa » như, tôi vừa nói đó, đã tóm lại thành một câu hiển-nhiên như sau này ; « Nước Pháp là một nước trăm triệu người. » Dư-luận Pháp ngày nay đã biết đến cái hoạt-lực của thuộc-địa và cái giá-trị cung-cấp của thuộc-địa đối với tiền-đồ nước nhà; ý-tưởng đó đã phát-biểu ra rõ-ràng thành một cái danh-hiệu mới gồm cả mẫu-quốc cùng các thuộc-quốc ở ngoại-duong, dẫu chưa hôn-hợp cùng nhau, nhưng cũng là mật-thiết quan-hệ, gây lên cái thế-lực một nước « tối-đại Pháp-quốc », không những ý vào sức bốn mươi triệu người, mà lại ý vào sức một trăm triệu người, đồ ăn thức dùng có thể yêu-cầu ở những cõi đất rộng bằng hai mươi lần bản-bộ nước nhà, đem

Les colonies, observatoire mondial

Mais il y a mieux encore : car voici que cette incorporation de l'action coloniale à la vie nationale apparaît désormais comme la préparation du rôle essentiel que la France peut et doit jouer sur le terrain élargi de la politique mondiale, dans la solution des graves problèmes que l'évolution de l'humanité impose dès à présent aux préoccupations de l'univers.

Ces problèmes, auxquels l'opinion publique n'est peut-être point assez attentive, sont mieux pressentis dans leur ampleur par ceux qui, du haut des observatoires dont les colonies jalonnent le monde, suivent de près les mouvements qui agitent les multitudes humaines ; et leur méditation s'est fixée sur tels frémissements profonds que parcourent, en ondes insensiblement élargies, l'immense flot des races de couleur, marquant le réveil nouveau d'aspirations qui ne seraient point sans péril pour la civilisation européenne, le jour où elles coaliseraient, comme le bolchevisme d'ailleurs essaie de le faire, les vieux fanatismes, les nationalismes ou les mysticismes d'Asie ou d'Afrique contre les lumières venues de l'Occident.

Débordant le cadre de la vieille Europe dont les conflits ou les jeux d'équilibre ont, dans le cours des siècles, concentré l'activité politique de la planète et dominé l'action des autres races, la clairvoyance des hommes qui scrutent la face voilée de l'avenir, a conjecturé que les destinées du monde ne se joueront pas éternellement sur ce théâtre restreint, et que le vaste mouvement de l'univers doit fatalement s'incorporer, pour le transformer à son tour, au rythme que la vie

cái sức thanh-tân của thuộc-địa như cái máu mới-mé mà truyền vào trong mạch máu của mình.

Thuộc-địa là cái đài quan-sát cả thế-giới

Nhưng mà không những thế mà thôi : vì sự sáp-nhập thuộc-địa vào mẫu-quốc đó, từ nay sẽ như sự dự-bị về cái nhiệm vụ cốt-yếu của nước Pháp phải đảm-đương trên vũ-dài chính-trị của Vạn-quốc, để mà giải-quyết các vấn-đề quan trọng vì sự tiến-hóa chung trong nhân-loại đã bày ra cho thế-giới phải suy-nghĩ.

Những vấn-đề ấy thời thường dự-luận có lẽ không chú-ý đến, nhưng ai đã được đứng trên cái đài quan-sát của thuộc địa rải rác khắp mặt địa-cầu thì mới cai quát được hết những cái phong trào nó nổi lên trong các dân chúng mà lượng biết được những vấn-đề ấy to tát là dường nào ; những kẻ ấy biết suy-nghĩ thời tất chú-ý vào những luồng sóng sâu kia nó lan ra mỗi ngày một rộng, làm cho rung-dộng cả các dân-tộc các sắc, kích-thích những sự dực-vọng không phải là không có nguy hiểm cho văn-hóa Tây-phương, vì có ngày những sự dực-vọng đó theo gương chủ-nghĩa quá-khích nước Nga sẽ kết tập cả những cái cố-tập mê-tin, những cái chủ-nghĩa quốc-gia cùng chủ-nghĩa thần-bí của Á-châu cùng Phi-châu mà phản đối với cái văn-minh sáng-sủa của Tây-phương.

Trong bao nhiêu thế-kỷ từ trước đến giờ, cái hoạt-lực chính-trị của thế-giới chỉ khu vào trong một cái vũ-dài của Âu-châu, khi xung-đột, khi hòa-bình, chỉ trong một khoảng nhỏ hẹp đó mà chi phối cả các dân-tộc khác ; nay những người đã có cái trác-kiến nhìn rộng ra ngoài mà khám phá sự bí-mật của tương lai, thời đoán biết rằng vận-mệnh thế-giới không phải mãi-mãi chỉ khu

européenne lui a jusqu'ici imprimé. L'impulsion de civilisation sortie du foyer européen a préparé les voies à une sorte d'unité de la vie universelle. Les distances immenses qui séparaient, en les protégeant, les races dissemblables, sont virtuellement supprimées par le développement des communications. Les peuples se sont rapprochés. Ils l'ont fait d'abord sur le terrain économique. Ils l'ont fait — chose plus remarquable — sur le terrain moral et politique, pendant cette longue guerre où les Alliés ont appelé à leurs côtés les fils de la race jaune, de la race brune, de la race noire.

Comment s'exprimera, et avec quels gestes, la pétition de ces races, demandant à intervenir au règlement des rapports selon lesquels s'agencera la vie universelle, dans le respect des nationalités et des droits de chacun à son plein épanouissement? Grava question! L'obligation des hommes conscients des évolutions de l'espèce humaine est de prévoir de ce côté toutes les conjonctures et de s'y préparer. Et l'action coloniale, à coup sûr, par les théâtres où elle s'exerce, au voisinage et au contact de toutes les races, est un moyen incomparable de préparation; et lorsque cette action est celle d'un pays comme la France, elle peut avoir sur la paix du monde et la sécurité du progrès humain une influence décisive, par l'effet des hautes disciplines morales qui composent et dirigent sa politique civilisatrice dans ses colonies.

ALBERT SARRAUT

(à suivre)

ở trong cái trường-sở chật-hẹp đó đây, và cái phong-trào lớn trong thế-giới tất phải sáp-nhập với cái vận-diệu của Âu-châu đã xướng lên từ trước đến nay, sáp-nhập vào rồi mới biến-hóa đi. Cái tia sáng văn-minh của Âu-châu nhóm lên đã dự-bị mà gây nên một cái nền nhất-trí cho cuộc sinh-hoạt chung của thế giới. Xưa kia đường-sá xa-xôi, các dân-tộc khác nhau cách nhau hàng ngàn muôn dặm, ngày nay giao-thông tiện-lợi, sự xa-cách ấy hầu như tiêu-diệt hết. Các dân-tộc càng ngày càng gần-gũi nhau. Trước còn gần nhau về đường kinh-tế. Nay xem ra, — kể cũng là một sự lạ, — đã thấy gần nhau về đường tinh-thần, đường chính-trị, nhờ về cuộc đại-chiến vừa rồi các nước Đồng-minh phải gọi đến để giúp mình những con em các giống vàng, giống hung và giống đen.

Những dân-tộc ấy tất là yêu-cầu muốn can-thiệp đến sự giải-quyết các vấn-dề quan-hệ về cuộc sinh-hoạt chung trong thế-giới, giải-quyết làm sao cho giữ được hoàn-toàn cái quyền sinh-tồn phát-siễn của các dân các nước, vậy sự yêu-cầu ấy sau này sẽ phát-biểu ra làm sao? Vấn-dề quan-trọng thay! Những người có ý-thức về việc tiến-hóa trong nhân-loại phải nên chú-ý về mặt đó và dự-phòng đề đối-phó các cơ-hội sẽ xảy ra: Sự hành-dộng ở thuộc-địa là một cách dự-bị không gì bằng, vì cái trường-sở nó lân-cập tiếp-xúc với khắp các dân-tộc; vì sự hành-dộng ấy lại là sự hành-dộng của một nước như nước Pháp, thì cái ảnh-hưởng nó đối với cuộc hòa bình trong thiên-hạ sẽ sâu-xa là dường nào, vì cái chủ-nghĩa nó là một chủ-nghĩa khai-hóa rất cao-thượng vậy.

(Còn nữa)

LES DEUX ASPECTS DE L'INFINI

HAI CÁI TRẠNG-THÁI CỦA THÁI-CỰC

...Portons-y nos pensées. Le problème débordé l'humanité et embrasse toutes choses. On peut, je crois, envisager l'infini sous deux aspects bien distincts. Voyons le premier de ceux-ci. Nous sommes plongés dans un Univers qui n'a pas plus de limites dans le temps que dans l'espace. Il ne peut avancer ni reculer. Il n'a pas d'origine. Il n'a jamais commencé comme il ne finira jamais. Il a derrière lui autant de myriades d'années qu'il en découvre devant lui. Il est depuis toujours au centre sans bornes des jours. Il ne saurait avoir un but, car s'il en avait un, il l'eût atteint dans l'infini des ans qui nous précède; d'ailleurs ce but se trouverait hors de lui, et s'il y avait quelque chose hors de lui il serait borné par cette chose et cesserait d'être l'infini. Il ne va pas vers quelque chose, car il y serait arrivé; par conséquent tout ce que font les mondes dans son sein, tout ce que nous y faisons nous-mêmes, ne peut avoir sur lui nulle influence. Tout ce qu'il fera, il l'a fait. Tout ce qu'il n'a pas fait, c'est qu'il ne le pourra jamais faire. S'il n'a pas de pensée, il n'en acquerra point. S'il en a une, elle est depuis toujours à son apogée et y demeurera, immuable, immobile. Il est aussi jeune qu'il le fut et aussi vieux qu'il le sera. Il a tenté dans le passé tous les efforts et toutes les expériences qu'il tentera dans l'avenir; et toutes les combinaisons possibles étant épuisées depuis ce que nous ne pouvons même pas appeler l'origine, il ne semble pas que ce qui n'a pas eu lieu dans l'éternité qui s'étend avant notre naissance se puisse produire dans celle qui suivra notre mort. S'il n'a pas pris conscience, il ne la prendra jamais, s'il ne sait ce qu'il veut, il l'ignorera sans espoir, sachant tout ou ne sachant rien et se trouvant aussi près de sa fin que de son commencement.

...Ta phải nên đề tri mà nghĩ. Vấn-đề này tràn ra ngoài nhân-loại và gồm hết cả sự-vật. Tôi tưởng có thể quan-sát Thái-cực ra hai phương-diện đặc-biệt. Hãy xét cái phương-diện thứ nhất. Ta nay chìm đắm trong một cái vũ-trụ không có giới-hạn nào trong thời-gian cũng trong không-gian. Vũ-trụ ấy không thể tiến mà cũng không thể thoái. Không có nguyên-thủy, không từng bắt đầu bao giờ mà cũng không sẽ cùng-tận khi nào. Trước mặt đã mấy mươi ức triệu năm thời sau lưng cũng mấy mươi ức triệu năm. Tự bao giờ cũng vẫn ở nơi trung-tâm vô-hạn của ngày giờ, không thể có một cái mục-dịch được, vì nếu có mục-dịch thì trong cái khoảng ngày tháng vô-hạn trước ta, mục-dịch ấy đã đạt tới rồi; vả lại cái mục-dịch ấy tất phải ở ngoài, và nếu đã có một cái gì ở ngoài thời cái ấy làm giới-hạn, như thế không thể gọi là Thái-cực được. Không đi tới chỗ nào, vì nếu có đi thời chắc đã tới rồi; như vậy thời bao nhiêu thế-giới ở trong vũ-trụ ấy vận-động thế nào, chúng ta đây hành-động những gì, đối với vũ-trụ ấy tuyệt-nhiên không ảnh-hưởng gì cả. Cái gì làm sau này, trước đã từng làm rồi. Cái gì chưa từng làm, là sau này cũng không bao giờ làm được. Nếu không có tư-tưởng thì không bao giờ có tư-tưởng. Nếu có tư-tưởng, thời tư-tưởng ấy từ thiên-cổ vẫn ở nơi tuyệt-dịch mà sẽ cứ ở đấy mãi mãi, bất di bất dịch. Bao giờ cũng vẫn trẻ như xưa mà vẫn già như sau. Sau này có gia công thí-nghiệm sự gì, trước kia đã từng gia-công thí-nghiệm cả rồi. Bao nhiêu phương-kế sắp-đặt đã tận-phương-cùng-kế từ bao giờ đến giờ rồi, — vì không thể gọi là từ nguyên-thủy đến giờ được, —

C'est la pensée la plus noire que puisse atteindre l'homme. Je ne crois pas qu'on l'ait jusqu'ici suffisamment approfondie. Si elle était vraiment irréfutable, — et l'on peut soutenir qu'elle l'est, — si elle renfermait réellement le mot suprême de la grande énigme, il serait presque impossible de vivre dans son ombre. Seule la certitude que nos conceptions du temps et de l'espace sont illusoire et absurdes, peut éclairer l'abîme où sombrerait toute espérance.

Cet Univers ainsi conçu serait sinon intelligible, du moins acceptable à notre raison ; mais en lui flottent des milliards de mondes bornés par l'espace et le temps. Ils naissent, meurent et renaissent. Ils font partie du tout, et l'on voit donc qu'il y a des parties de ce qui n'a commencement ni fin, qui commencent et finissent. Nous ne connaissons même que ces parties, et elles sont en nombre tellement infini qu'à nos yeux elles occupent tout l'infini. Ce qui ne va nulle part est plein de ce qui semble aller vers quelque chose. Ce qui sait ce qu'il veut depuis toujours ou jamais ne l'apprendra, paraît faire éternellement des expériences plus ou moins malheureuses. Où veut-il en venir, lui qui est arrivé ? Tout ce que nous découvrons dans ce qui ne saurait avoir un but à l'air d'en poursuivre un avec une ardeur inconcevable ; et l'esprit qui anime ce que nous voyons dans ce qui devrait tout savoir et se posséder paraît tout ignorer et se chercher

thời không có lẽ có phương-kế gì trong cái thiên-cổ trước khi ta sinh ra chưa có mà đến cái thiên-cổ sau khi ta chết đi lại có được. Nếu vũ-trụ không có ý-thức thời không bao giờ có được, nếu làm gì không biết, thời thiên-cổ cũng không biết mãi, biết hết thấy hay không biết gì cũng là một, và bao giờ cũng là sắp diệt mà bao giờ cũng là mới sinh.

Cái tư-tưởng ấy là cái tư-tưởng chán-ngán nhất có thể phát-sinh ra trong tâm-não người ta. Tôi tưởng từ trước đến nay người ta chưa từng nghiên-cứu tới nơi. Nếu cái tư-tưởng ấy là tuyệt-đối, — mà có thể cho là tuyệt-đối, — nếu cái đại-bí-quyết của sự đời là ở đó, thời không thể sao tựa vào đó mà sống được. Chỉ có làm thế nào cho biết chắc rằng những cái quan-niệm của ta về không-gian, về thời-gian là huyền-ảo vô-lý, thời mới có thể chiếu rạng được cái vực thăm kia, là chỗ đem chôn hết lòng hi-vọng.

Cái vũ-trụ mà quan-niệm như thế thời dẫu chưa được minh-liệu cho lắm, nhưng cứ lẽ phải cũng có thể thừa-nận được ; nhưng mà trong vũ-trụ ấy lại bênh-bồng không biết bao nhiêu triệu ức những thế-giới bị không-gian và thời-gian làm giới-hạn. Những thế-giới ấy có sinh, có diệt, lại tái-sinh, tức là những bộ-phận trong toàn-thể, như vậy thời ra cái vốn vô-thủy vô-chung mà lại có những bộ-phận hữu-chung hữu-thủy. Mà ta sở-biết cũng chỉ biết những bộ-phận đó mà thôi, mà những bộ-phận đó nhiều vô-cùng đến nỗi đối với ta hình như gồm cả thái-cực vậy. Cái không đi tới đâu hình như đầy những cái có đi tới một chỗ nào. Cái tự cổ kim làm chi biết nấy, hay là làm mà không bao giờ biết, hình như chung-cổ chỉ thí-nghiệm mãi mà vẫn hỏng mãi. Đi đã tới rồi, còn đi tới đâu nữa ? Tưởng rằng không thể có mục-đích chi được

sans trêve. Ainsi tout ce qui tombe sous nos sens dans l'infini contrarie ce que notre raison est obligé de lui prêter. A mesure que nous l'approfondissons, nous comprenons davantage la profondeur de notre incompréhension, et plus nous nous efforçons de pénétrer les deux incompréhensibles qui s'affrontent, plus ils se contredisent. . .

MAURICE MAETERLINCK
(*La Mort*)

mà nghiệm ra thời thấy nhất-thiết trong đó như có ý theo đi đi một cái mục-dích gì một cách hăng-hái lạ-lùng; tưởng rằng cái gì cũng biết, và tự-chủ hoàn-toàn, thế n à xét ra cái tinh-thần ở trong đó lại hình như mang nhiên hết thảy và mình lại tìm mình, vô-cùng vô-hạn. Như thế thời ra trong thái cực phạm cái gì thuộc giác-quan sở-cảm đều là phản-trái với lý-tinh ta quan-niệm. Ta càng nghiên-ngâm cho sâu-xa, ta lại càng rõ sự vô tri của ta cũng sâu-xa là dường nào, và càng muốn khám-phá hai cái trạng-thái bất-khả-tri đó thời lại càng thấy nó phản trái nhau...

LE MYSTÈRE DE LA MORT

LÊ HUYỀN-BÍ VỀ SỰ CHẾT

...Depuis quatre ans, les figures des morts qui m'avaient peu quitté me pressaient et me poursuivaient, et, comme je marchais un peu devant elles, c'étaient elles qui me rejoignaient et qui s'imposaient. Cette fois, au contraire, comme mis en chemin par le fantôme florissant de ce témoin de lointaine jeunesse, c'était moi qui courais au devant de nos poursuivantes funèbres, leur parlais, les priaï et les questionnais sur leur sort, sur le mien, ou plutôt sur le lien que la mort n'avait pu rompre entre elles et moi. Je mentirais en présentant cet interrogatoire des Ombres comme dérivé ou de la curiosité ou de l'angoisse du problème philosophique et religieux. Il ne s'agissait pas au juste, de sonder notre avenir d'outre-tombe. Je ne tentais pas d'éclaircir quelle navigation lointaine entreprend le principe secret, l'impalpable souffle de vie (personnel ? ou impersonnel ?) qui ne me semble pas ne pas pouvoir survivre à notre cendre. Dans ces pensées nouvelles, ma spéculation roula uniquement sur le rapport matériel ou moral, sentiment ou idée, qui nous avait unis, cet ami disparu et moi. D'où venait, où

... Tự bốn năm nay, tôi thường to-tưởng đến người chết, nên cái hồn người chết nó cứ theo đuổi tôi hoài; hình như tôi chạy trước mà nó đuổi sau vậy. Lần này thời lại trái lại, hình như cái ma người bạn tuổi trẻ của tôi đó nó thúc-giục, mà lại chính tôi chạy đuổi theo cái bóng người chết, nói chuyện, kêu-van, hỏi-han về thân-phận kẻ quá-vãng thế nào, về thân-phận tôi đây thế nào, thứ nhất là về cái mối liên-lạc mà sự chết không thể cắt đứt được ở tôi với những kẻ ấy. Cuộc vấn-đáp với hồn người chết đó không phải là bởi cái lòng băn-khoăn muốn giải cái vấn-đề về triết-lý, về tôn-giáo, xin thú thật thế, không dám nói dối; không phải là muốn dò xét cái tương-lai của ta khi tử-hậu. Tôi không có rắp tâm muốn khám-phá xem cái khí nguyên-hình của tạo-vật kia (nó là hữu-ngã hay vô-ngã cũng không biết), khi thân-thể ta ra tro ra bụi rồi, không có lẽ nó không phảng-phất còn lại, thời nó phiêu giạt đi những chốn xa-xôi nào. Trong khi tôi to-tưởng mơ-màng đó,

allait, qu'était, en elle-même, cette chose tranchée, que je sentais survivre, saigner et pleurer ? Mais de René aux autres, le passage était simple : celui-ci, celui-là et puis celle-là entre toutes, et ceux-là et ceux-ci qui m'avaient été arrachés, et moi à eux, à elle, et dont aucun ne me donnait la sensation d'un être indépendant et libre qui eût fait un mouvement naturel en s'en allant de son côté quand je restais du mien ! Tous partaient et fuyaient comme si quelque chose du meilleur de moi s'arrachait. J'avais le sentiment de mourir avec eux et ensuite de recevoir, à travers la brûlure du mal de cette mort, un reste de leur vie qui fût comme l'échange du lambeau de mon être enfui. L'expérience ne laissait aucun doute sur ce que j'oserai appeler l'indivision naturelle ou la mise en société des plus larges espaces de la vie de nos cœurs. Ce cœur nommé le mien, dont je m'étais cru maître, d'autres tenaient à lui, autant que j'avais dû usurper pour ma part dans le cœur et la vie d'autrui. La mort ne séparait pas, elle écartelait. Si donc il existait des félicités consolantes, elles ne pouvaient tendre d'abord qu'à réunir, comme membres disjoints, ces âmes qui se fussent regrettées éternellement...

CHARLES MAURRAS

(*La Musique intérieure*)

tôi chỉ chuyên-chủ nghĩ về cái mối quan - hệ hữu - hình hay vô - hình, thuộc tình hay thuộc ý, nó liên-lạc người bạn mất đi với tôi. Cái vật đã bị cắt đứt ra kia, mà tôi vẫn còn thấy nó thoi-thóp sống, nó nhẽ-nhại máu, nó thồn-thức khóc, thời nó ở đâu đó, nó đi đến đâu, nó là cái gì ? Nhưng nhân nghĩ đến anh René mà tự-nhiên nghĩ đến người khác nữa, người này, người kia, thứ nhất là người đàn-bà nọ, lại biết bao nhiêu người kia người nọ nữa, đối với tôi cũng như tôi đối với họ, đã mang nặng cái nông-nỗi sinh-tử biệt-ly, mà tưởng như không có một người nào là có cái về tự-do độc-lập, tự-nhiên mà đi một đường để cho tôi ở lại một nẻo ! Mỗi người mất đi hình như sé mất một mảnh hồn của tôi mà mang theo vậy. Người ta chết đi mà tôi tưởng như tôi cũng chết theo, rồi trong cái lúc đoạn-trường ly-biệt đó, cái hồn-phách người chết còn phảng-phất dật lại như đềm bùa vào cái mảnh hồn của tôi đi theo. Sự thí-nghiệm đã rõ ràng, không còn hồ-nghi chi nữa : trong cái cõi đời của hồn-tĩnh ta, cái phần nào là phần thanh-thoi rộng-rãi là của chung của hết thấy, không chia rẽ về phần ai. Con tâm của tôi đây, tôi vẫn tưởng duy tôi là chúa-tể, thế mà còn có kẻ khác có phần vào đó, cũng như về phần tôi có can-thiệp đến con tâm của kẻ khác. Sự chết không phải là phân-lia, chính là cắt đứt ra. Như vậy thời viở đời có sự hạnh-phúc đáng vui-vẻ cho tấm lòng ta, tất phải làm thế nào cho bấy nhiêu cái hồn rời-rạc được liền nhau lại, nếu không thì chỉ những thương nhớ nhau đến thiên-cổ...



LES HUMANITÉS

NÓI VỀ HỌC CÒ-ĐIÊN

... Pourquoi gardez-vous le latin ? ...
 Nous nous sommes posés la question. Nous l'avons examinée avec un grand souci d'impartialité et de réalisme : nous avons gardé le latin. De quoi s'agit il, en effet ? De la culture. . . Or quelles sont les disciplines qu'on nous propose pour remplir cet office ? ... Prendrons-nous les langues vivantes ? Le travail de traduction, de confrontation de deux géuies différents existe là, comme dans le latin. . . Nous croyons que la comparaison est à l'avantage du latin. . . Nous allons plus loin A se frotter continuellement à une humanité étrangère, on finit par lui prendre quelque chose. . . Or, réfléchissez bien : vous allez prendre comme base de la nouvelle culture l'étude de l'étranger, quel que soit d'ailleurs cet étranger. Cette étude ne sera pas un des accessoires de votre culture, c'en sera la base même. C'est le monde étranger qui sera notre éducateur ; c'est lui qui deviendra la pierre de touche de nos sentiments et la norme de notre raison : c'est tout de même raide, quand on et la France. . . Alors, dira-t-on, prenez le français comme base de la culture moderne. Savez-vous que s'il le fallait absolument, c'est encore cela que nous aimerions le mieux. Mais ce ne serait pas de gaieté de cœur. . . Ce diable de latin est tellement mêlé, et par tant de fibres à notre substance, que nous ne pouvons nous en déprendre qu'au détriment de notre culture. . .

(Les Compagnons de « L'Université nouvelle »)

... Làm sao lại phải giữ lấy tiếng la-tinh ?... Chúng tôi đã từng tự hỏi cần đó Chúng tôi lấy sự bình tĩnh, lấy lẽ thiết-thực mà khảo-sát rất kỹ : chúng tôi cả quyết giữ tiếng la-tinh. Vì vấn-đề này là vấn-đề gì ? Chính là vấn-đề văn hóa. Nay thiên hạ bàn lấy những khoa học gì để bồi thực cho văn hóa ? ... Lấy khoa « ngoại-ngữ » chẳng ? Học tiếng nước ngoài cũng cần phải phiên-dịch, cũng cần phải đối-chiếu hai cái tinh thần khác nhau như học tiếng la-tinh vậy... Tuy vậy mà so sánh ra tiếng la-tinh còn hơn... Không những thế mà thôi. Tiếp-xúc hoài với một cái nhân-loại xa-cách mình, rồi cũng đến tiêm-nhiễm vào mình ít nhiều... Nay thử nghĩ kỹ xem : các ông lấy cái học của người ngoài làm gốc cho văn hóa của mình, bất luận người ngoài ấy là ai. Cái học ngoài đó không phải là một phần phụ-thuộc của cái văn-hóa của các ông, mà lại là phần cốt-yếu. Như thế là thế-giới ngoài làm thầy mình ; thế-giới ngoài làm ú-lệ cho tinh cảm mình, làm tiêu chuẩn cho lý-tính mình : mình là nước Pháp mà đến nỗi ấy thì cũng khó coi thật... Hoặc giả nói : như thế thời lấy tiến-Pháp làm gốc văn-hóa. Vì tất nhiên phải thế, thì chúng tôi còn nguyện thế hơn. Nhưng không phải vui lòng, mà thừa-nhận như thế. Ac cái chữ la-tinh kia nó lại ràng-buộc với tâm-hồn ta một cách mật-thiết quá, khiến cho ta không thể bỏ nó đi mà không thiệt-hại đến cái văn hóa của ta.

(Trích một đoạn trong bài phi lộ của Hội « Tâm Đại học » ở Pháp. — Trong đoạn này bỏ chữ « la-tinh » thay chữ « hàn tự » vào thì hoàn toàn thích hợp với tinh-cảnh sự học cũng hiện-trạng văn-hóa ở nước ta.)



Une appréciation sur les Annamites

MỘT LỜI PHÊ-BÌNH VỀ NGƯỜI AN-NAM

Cette race annamite, remarquablement intelligente, et où le savoir est révéral plus que tout, s'est pliée à la civilisation occidentale avec la même aisance que le Japon. Elle n'a même pas marqué de surprise : elle a suivi.

C'est ici la grande force de ce peuple malingre. Il ne résiste pas : il s'adapte. Doué d'une faculté d'assimilation exceptionnelle, il épouse à l'instant les pratiques du vainqueur. Etrange mimétisme, c'est la plante, cette fois, qui prend la teinte du lézard...

Pendant des siècles, la Chine l'a tenu asservi : il est devenu chinois. Il a pris son écriture, sa morale, son art, ses coutumes, ses dieux. Si chinois même qu'on célèbre encore aujourd'hui, dans les pagodes d'Annam, des fêtes qui depuis longtemps n'ont plus lieu dans le Céleste Empire.

Maintenant, c'est la France qui règne : ils deviennent Français. Si Français que, dans les collèges mixtes, les jeunes Annamites battent les élèves blancs aux examens, si Français qu'ils nous sont vite supérieurs dans les métiers, les jeux que nous leur avons enseignés et qui ont supplantés leurs, si Français qu'ils connaissent notre histoire mieux que la leur, parlent de Jeanne d'Arc et ignorent Le Van-Duyet, si Français enfin — combien de fois cela m'a fait sourire — que des Annamites élégants, vêtus comme des Parisiens, et qui envoient leurs fils faire leurs études chez nous, affectent de ne plus rien comprendre quand un compatriote leur parle dans leur langue et s'y expriment eux-mêmes péniblement, cherchant leurs mots, comme s'ils étaient obligés de traduire.

Giống An-Nam rất là thông-minh, trọng sự học hơn hết thấy, chịu theo văn-minh Thái-Tây cũng dễ-dàng như nước Nhật vậy. Không hề lấy làm lạ nữa, cứ thuận mà theo thôi.

Đó là cái sức mạnh của cái dân gầy-còm này. Không hề chống lại bao giờ, chỉ thuận theo cho thích-hợp. Có cái năng-lực đồng-hóa lạ-lùng, tức-khắc theo được những lễ-thói lối-lãng của kẻ cường-quyền. Tinh mô-phỏng lạ ; khoa bác-vật dạy có con thần-lần hề ở vào đám cây nào thì đổi sắc theo cây ấy, đây thôi lại là cái cây đổi sắc theo con thần-lần.

Người An-Nam bị nước Tàu chuyên-chế trong mấy thế-kỷ ; bèn hóa theo Tàu, Văn-tự, luân-lý, mĩ-thuật, phong-tục, quỷ-thần cũng là theo của Tàu cả. Hóa theo Tàu cho đến nỗi ở các đền chùa nước Nam ngày nay còn có lăm sự tế-lễ mà chính ở Tàu mất đi đã lâu rồi.

Ngày nay nước Pháp làm chủ : họ lại hóa theo Pháp. Hóa Pháp đến nỗi ở các trường trung-học cả con Tây con Nam học, kỳ thi con Tây thường thua con Nam ; hóa Pháp đến nỗi những nghề nghiệp, những trò-chơi chúng ta dạy cho họ, họ lại giỏi hơn ta ; hóa Pháp đến nỗi thuộc lịch-sử ta hơn lịch-sử họ, biết tên JENNE d'ARC mà không biết tên Lê Văn-Duyet ; hóa Pháp cho đến nỗi — nhiều khi tôi đã lấy làm tức cười — có nhiều người An-Nam lịch-sử lăm, àn-bận như người kinh-thành Paris, cho con sang học bên ta, khi nghe một người đồng-bào nói bằng tiếng An-Nam thì giả-lò không nghe hiểu, mà tự mình nói thì áp-úng như phải nghĩ từng chữ, như phải dịch tiếng tây ra tiếng nam vậy.

Si les Russes, un jour, traversaient la Chine et envahissaient notre Extrême-Orient, les Annamites, dix ans après, auraient des icones et coucheraient sur le poêle, quitte à ne pas l'allumer.

C'est ce qui explique que l'Annam, ce vieil Annam pourtant artiste, lettré, à qui rien n'est étranger des jeux les plus précieux de l'esprit, n'ait pas produit une seule grande œuvre personnelle, n'ait donné le jour ni à un grand poète, ni à un puissant moraliste, ni à un architecte, un peintre, un sculpteur de génie. Tout ce qu'on peut admirer, du Fleuve Rouge au Mékong, laisse disparaître le modèle étranger, sur lequel l'Annamite est venu travailler avec son goût infini, mais sans que jamais jaillisse l'étincelle créatrice.

Ce peuple trouvera-t-il un jour la force de constituer une nation ? Que va-t-il devenir, pétri par nous ? Quelle génération va naître du mariage surprenant de ces deux civilisations ? Nul ne peut encore le prévoir.

L'Annamite — j'entends celui des villes, qui fréquente nos écoles et vit au contact des Français — est actuellement comme désaxé. Il échappe à la doctrine ancestrale et n'est pas encore acquis à la nôtre.

Guidé avant tout par un orgueil incommensurable, il s'attache à nous imiter. Ce n'est pas qu'il nous admire, c'est pour nous prouver qu'il nous vaut. Et n'obéissant plus à la morale des ancêtres, où se retrouvent les plus beaux éléments du confucéisme, ne croyant plus aux Génies, libre de toute entrave spirituelle, il ne se soucie maintenant que de bien vivre.

Vi có ngày nào người Nga qua nước Tàu mà tràn sang cõi Đông-Á của ta, thời chắc mười năm sau người An-Nam sẽ thờ tượng icones và nằm ngủ lên trên lò sưởi sắt như người Nga, cái không cần phải đốt lửa sưởi mặc lòng.

Bởi thế cho nên nước An-Nam kia, nước cổ-Nam-Việt kia, văn-hóa như thế, hay chữ như thế, phạm những khốe tài-linh của trí-tuệ không gì là không biết, mà không từng sản được một cái đại-công-trình gì là đặc-biệt của mình, không từng sinh ra được một bậc đại-thi-nhân, đại-luân-lý, một nhà kiến-trúc, một nhà hội-họa, một nhà điêu-khắc nào có tôi. Tự sông Hồng-hà đến sông Cửu-long, phạm cái gì khả quan được, đều là lộ thấy kiểu mẫu của ngoại-quốc cả, người An-Nam chỉ theo cái kiểu ấy mà đẽ gọt rất tinh-tế, nhưng không hề thấy cái tia sáng-khởi bao giờ.

Dân-tộc này có ngày thành một quốc-gia được không ? Nhờ ta đào-tạo, rồi sẽ trở nên thế nào ? Hai cái văn-minh phối-hợp nhau một cách kỳ-dị như thế, rồi sẽ sinh ra một lớp người thế nào ? Không ai có thể dự-đoán được.

Người An-Nam — tôi nói người ở thành-thị, học các trường tây, giao-tiếp với người Tây — ngày nay như người lạc mất phương-châm. Đạo tổ-tiên thì bỏ mất rồi, mà chủ-nghĩa mới thì chưa học được.

Duy chỉ có cái tinh tự cao là vô-hạn, chỉ biết chăm mô-phỏng g chúng ta, không phải rằng có cảm-phục gì ta đâu, nhưng dễ tỏ rằng cũng bằng ta. Không theo cái luân-lý của tổ-tiên nữa, là một luân-lý gồm được tinh-túy của Khổng-học, không tin thần-thánh nữa, không bị giàng-buộc bằng cái giây tinh-thần nào nữa, bây giờ chỉ chủ lấy sinh-hoạt cho sướng mà thôi.

— Bien vivre ? Mais n'est ce pas là toute la ligne de conduite des civilisés ? m objectera-t-on.

C'est vrai. Mais l'Européen, même sans foi religieuse, porte en lui les principes essentiels d'une morale à laquelle il obéit d'autant mieux que les gendarmes et les juges sont chargés de son application, tandis que l'Asiatique, privé de sa morale héréditaire et ignorant nos lois, n'a plus rien qui le guide.

Cette incertitude morale se constate jusque dans le petit peuple. Privés des leçons de leurs vieux maîtres d'école indigène, ces *Tong-su* qui leur enseignaient la morale traditionnelle avant le calcul et voulaient nourrir l'âme autant que l'esprit, n'ayant plus à redouter l'impitoyable justice mandarinale, nahaqués et coolies sont de plus en plus abandonnés à leurs seuls instincts, et tous les coloniaux avertis, vieux fonctionnaires et missionnaires, s'accordent à reconnaître que le niveau général a baissé.

ROLAND DORGÈSEL
(*Sur la route mandarine*)

Hoặc-giã nói: — Sinh-hoạt cho sướng ? Nhưng đó chẳng phải là cái thuật xử-thê của người văn minh đầy ư ?

Phải thế. Nhưng người Âu-châu dù không tin đạo nữa, cũng vẫn như mạng trong mình những điều luân-lý cốt yếu, không hề dám sai, vì có sai đã có cảnh sát, có quan tòa kiểm-chế, chứ như người Á-Hông đã mất cái luân-lý di-truyền đi rồi, lại không hiểu pháp-luật của ta là gì, thời không có gì làm phương-châm nữa.

Cái tâm-lý phát-phơ đó nghiệm thấy cả trong bọn hạ-lưu. Bọn đó không được học những ông thầy đồ cũ nữa, như các thầy tổng-sư kia dạy luân-lý trước rồi mới dạy toán-học sau, lại cũng không sợ cái oai-quyền dữ-dộ của quan mình nữa, dám nhà quê cùng bọn cu-li càng ngày càng đâm-đuối vào trong vòng vật-dục, bao nhiêu người Tây ở thuộc-địa đã lâu và đã sành, như quon-lại già, các cố đạo, đều đồng thanh công-nhận rằng cái trình-độ chung có sút kém đi nhiều.

Kính-áo các bạn đọc báo

Các ngài mua *Nam-Phong* đến số nào là hết hạn, thì mỗi khi gửi báo đã đề rõ ngoài bìa.

Khi gửi đến tập báo cuối-cùng — đến tập ấy là hết hạn — thì ngoài bìa lại có đóng dấu « **Hạn báo của ngài số này là hết** » và trong tập báo có cài sẵn một tờ « **Gãy mua Nam-Phong** » để tiện nhắc các ngài mua tiếp hạn khác.

Nếu bản-quán không nhận được *mandat* hoặc thư về việc mua tiếp hạn mới, tất là ngài không ưng mua nữa, vậy sẽ thôi gửi.

Mandat hoặc thư, xin gửi về M. LÊ-VĂN-PHÚC, 82, Rue du Chanvre, Hanoi.